TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THƯỜNG XUÂN
TỈNH THANH HÓA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc

Bản án số: 03/2019/HNGĐ - ST
Ngày 11 tháng 3 năm 2019
V/v:"Tranh chấp về hôn nhân và gia đình, ly hôn, tranh chấp về nuôi con".

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THƯỜNG XUÂN

Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Lê Thị Tâm
Các hội thẩm nhân dân: Ông Lê Quang Tùng và bà Lê Thị Liên
Thư ký phiên toà: Ông Hà Xuân Hoàn - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thường Xuân, tỉnh Thanh Hoá.
Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thường Xuân: Không tham gia phiên tòa.

Ngày 11 tháng 3 năm 2019 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Thường Xuân, tỉnh Thanh Hoá xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 139/2018/TLST- HNGĐ ngày 18/12/2018 về việc: "*Tranh chấp về Hôn nhân và gia đình, ly hôn, tranh chấp về nuôi con".*

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04/2019/QĐST - HNGĐ ngày 15/02/2019 giữa các đương sự:

1.Nguyên đơn: Anh Lương Văn T, sinh năm: 1981
Địa chỉ: Thôn LT, xã LS, huyện TX, tỉnh Thanh Hóa
Nghề nghiệp: Cán bộ Y tế xã LS, huyện TX *(có mặt).*
2. Bị đơn: Chị Lương Thị H, sinh năm: 1985
Địa chỉ: Thôn LT, xã LS, huyện TX, tỉnh Thanh Hóa
Nghề nghiệp: Trồng trọt (*có mặt)*.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện xin ly hôn ngày 05/12/2018, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn anh Lương Văn Tuân trình bày:

Về hôn nhân: Anh Lương Văn T và chị Lương Thị H kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức cưới hỏi theo phong tục tập quán của địa phương vào năm 2008 và đến ngày 02/11/2009 vợ chồng đến Uỷ ban nhân dân xã LS, huyện TX, tỉnh Thanh Hoá, làm thủ tục đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Thời gian đầu vợ chồng chung sống đầm ấm hạnh phúc không có mâu thuẫn gì. Từ đầu năm 2017 đến nay vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính tình không hợp, chị H hay ghen tuông nghi cho anh ngoại tình nên vợ chồng thường hay cãi nhau dẫn đến trong cuộc sống bất đồng quan điểm. Hai bên gia đình cũng khuyên giải nhưng vẫn không có kết quả.Từ tháng 5/2018 đến nay mâu thuẫn vợ chồng càng trầm trọng. Từ tháng 12/2018 đến nay anh T về ở với bố mẹ đẻ và cũng từ đó vợ chồng ly thân nhau, công việc của ai người lo, không ai quan tâm đến ai

nữa. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, cuộc sống không có hạnh phúc anh T đề nghị Tòa án giải quyết cho được ly hôn với chị H.

Về con chung: Vợ chồng có 02*(hai)* con chung là Lương Mạnh T, sinh ngày 15/6/2010 và cháu Lương Mạnh H, sinh ngày 30/8/2016.Vợ chồng ly hôn anh T đề nghị Tòa án giải quyết mỗi người nuôi một cháu, anh xin nuôi cháu Lương Mạnh T, còn chị H nuôi cháu Lương Mạnh H. Anh T tự nguyện hỗ trợ cấp dưỡng cho cháu Lương Mạnh H số tiền 1.000.000đồng/01 tháng cho đến khi cháu H đủ 18 tuổi.

Tại các bản tự khai, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên Tòa bị đơn chị Lương Thị H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Lương Thị H đồng ý với phần trình bày của anh T về phần kết hôn. Trong quá trình chung sống vợ chồng đầm ấm hạnh phúc được một thời gian dài 10 năm phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính tình không hợp hơn nữa do điều kiện kinh tế gia đình gặp khó khăn, các con còn nhỏ, anh T thường xuyên đi học từ năm 2011 đến nay. Anh T có bồ ở bên ngoài nên vợ chồng thường xảy ra mâu thuẫn, từ tháng 5/2018 cho đến nay thì phát sinh mâu thuẫn nhiều hơn. Chị H nghỉ trong cuộc sống vợ chồng cũng có những lúc tức giận cãi cọ nhau, chị H biết mình sai nên đã xin lỗi anh T nhưng anh T không chấp nhận. Vợ chồng sống ly thân nhau từ tháng 12/2018 đến nay. Nay anh T làm đơn xin ly hôn chị xét thấy vẫn còn tình cảm với anh T nên chị không đồng ý ly hôn, anh T vẫn cương quyết ly hôn chị đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Về con chung: Vợ chồng có 02*(hai)* con chung là Lương Mạnh T, sinh ngày 15/6/2010 và cháu Lương Mạnh H, sinh ngày 30/8/2016. Anh T nuôi cháu Lương Mạnh T, còn chị H nuôi cháu Lương Mạnh H, anh T tự nguyện cấp dưỡng cho cháu Lương Mạnh H số tiền là 1.000.000đ/ 01 tháng cho đến khi cháu H đủ 18 tuổi, chị H đồng ý.

Về tài sản chung và nợ chung: Anh Lương Văn T và chị Lương Thị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định.

[1].*Về thủ tục tố tụng:* Việc khởi kiện của anh Lương Văn T thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thường Xuân được quy định tại khoản 7 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thường Xuân, quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn, bị đơn đều chấp hành pháp luật.

[2]. *Về quan hệ hôn nhân:* Anh Lương Văn T và chị Lương Thị H,

kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn đúng theo quy định của pháp luật, đủ cơ sở xác định đây là hôn nhân hợp pháp. Thời gian đầu vợ chồng chung sống đầm ấm hạnh phúc không có mâu thuẫn gì. Từ đầu năm 2017 đến nay

vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn nên vợ chồng thường xuyên xảy ra bất đồng quan điểm, vợ chồng sống ly thân nhau từ tháng 12/2018 đến nay. Hai bên gia đình nội, ngoại đã khuyên giải vợ chồng đoàn tụ, Tòa án đã tiến hành hòa giải nhiều lần để vợ chồng có cơ hội hàn gắn tình cảm nhưng vợ chồng không tìm được tiếng nói chung, ngày 14/2/2019 anh T đã cung cấp cho Tòa án tình trạng mâu thuẫn vợ chồng. Như vậy tình trạng hôn nhân giữa anh T và chị H đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được vợ chồng không tìm được tiếng nói chung. Căn cứ vào Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh T.

[3].*Về con chung:* Vợ chồng công nhận có 02 (hai) con chung cháu Lương Mạnh T, sinh ngày 15/6/2010 và cháu Lương Mạnh H, sinh ngày 30/8/2016. Tại phiên tòa anh Lương Văn T và chị Lương Thị H tự nguyện thống nhất về việc nuôi con và anh T tự nguyện cấp dưỡng nuôi cháu Lương Mạnh H. Hội đồng xét xử nhận thấy việc thỏa thuận về nuôi con, hỗ trợ cấp dưỡng nuôi con của anh T là phù hợp nên chấp nhận. Căn cứ Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình. Giao cháu Lương Mạnh T cho anh T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Giao cháu Lương Mạnh H cho chị H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục, anh T tự nguyện cấp dưỡng cho cháu Lương Mạnh H số tiền 1.000.000đ/01 tháng, thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 03/2019 cho đến khi cháu Hải đủ 18 tuổi. Các bên không trực tiếp nuôi con nhưng có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

[4].*Về tài sản chung; nợ chung:* Anh Lương Văn T và chị Lương Thị H không yêu cầu Toà án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5]. *Về án phí:* Anh Lương Văn T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35; Điều 39; khoản 4 Điều 147 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 58; Điều 81; Điều 82 và Điều 83 Hôn nhân và gia đình; Điều 5; Điểm a khoản 5, khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định *"Về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án"*.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Lương Văn T

Về quan hệ hôn nhân: Anh Lương Văn T được ly hôn chị Lương Thị Hương.

Về con chung: Ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận về nuôi con và cấp dưỡng nuôi con chung của anh Lương Văn T và chị Lương Thị H. Giao cháu Lương Mạnh T, sinh ngày 15/6/2010 cho anh Lương Văn T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Giao cháu Lương Mạnh H, sinh ngày 30/8/2016 cho chị Lương Thị H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu Lương Mạnh H số tiền 1.000.000đ/01 tháng, thời gian cấp dưỡng

tính từ tháng 3/2019 cho đến khi cháu Hải đủ 18 tuổi. Các bên có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Về tài sản chung; nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Anh Lương Văn T phải chịu 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Được khấu trừ vào số tiền 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) tạm ứng án phí anh T đã nộp theo biên lai số 0003507 ngày 18/12/2018 tại Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Thường Xuân, tỉnh Thanh Hóa, anh T đã nộp đủ án phí.

Buộc anh Lương Văn T phải nộp 300.000đ *(ba trăm nghìn đồng)* án phí đối với nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung tại Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Thường Xuân, tỉnh Thanh Hóa.

Quyền kháng cáo: Đương sự được quyền kháng cáo bản án dân sự sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (11/3/2019).

Trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được Thi hành án dân sự, người phải Thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6; Điều 7; Điều 9 Luật thi hành án. Thời hiệu thi hành án thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM: HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Lê Thị Tâm

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh Thanh Hoá;*
- *VKSND huyện Thường Xuân;*
- *Chi cục THADSH.Thường Xuân;*
- *Đương sự;*
- *UBND LS;*
- *Lưu HSVA.*